

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đào Phương Mai

- Bà Nguyễn Thị Thiên Thuận

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký
Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm:* Bà Nguyễn Huyền
Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/08/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
130/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2024; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lưu Định Th.**; Sinh năm 1981; CCCD số
00108101xxxx cấp ngày 09/05/2021;

Nơi đăng ký thường trú: Số 8 hẻm 67 ngách 46 Phố L., phường V., quận
Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: P2011 TTC1 Phố T., phường Đ., quận Ba Đình, thành phố
Hà Nội (không khai báo tạm trú) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Vương Huyền Tr.**; Sinh năm 1980; CMND số 01196xxxxx cấp
ngày 21/11/2013.

Nơi đăng ký thường trú: Số 15 Phố H1., Phường H2., Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP. Hà Nội - Công
an thành phố Hà Nội (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - anh Lưu Đình Th. trình bày:**

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vương Huyền Tr. tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức Lễ cưới cho anh chị vào tháng 12 năm 2006. Đến ngày 21/12/2006 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, anh và chị Tr. về sống tại nhà mẹ đẻ chị Tr. tại số 15 Phố H1., phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, tính tình cách sống không phù hợp, không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc mặc dù sống chung một nhà nhưng mỗi người ở một phòng, không quan tâm đến nhau. Từ năm 2010 đến năm 2014, vợ chồng anh sống ly thân, anh chuyển về địa chỉ 37 Phố K., phường Th2., quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Từ năm 2014 đến năm 2019, vì nghĩ cho các con gia đình hai bên mong muốn anh chị hàn gắn, anh chị cho nhau cơ hội sửa chữa và khắc phục sai lầm nên anh chị quay lại sống chung. Từ 2019 đến nay anh chị ly thân. Khoảng tháng 3 năm 2024, chị Tr. bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP. Hà Nội.

Nay, anh Th. thấy tình cảm giữa anh và chị Tr. không còn, vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm, để giải phóng cho cả hai bên, anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Vương Huyền Tr..

Con chung: Anh và chị Tr. có ba con chung tên là: Cháu Lưu Đức T2., sinh ngày 29/12/2006; cháu Lưu Minh Đ2., sinh ngày 12/10/2010; cháu Lưu Xuân P., sinh ngày 07/02/2019.

Hiện các con đang ở với bà ngoại tại số 15 Phố H1., phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba cháu, không đề nghị chị Tr. cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp cháu T2. và cháu Đ2. có mong muốn và nguyện vọng ở với mẹ và bà ngoại ở 15 Phố H1. thì anh đồng ý và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, sẽ đóng góp tiền học và tiền ăn của các con để hỗ trợ trong quá trình các cháu sống cùng bà ngoại. Với cháu Phúc, anh đang nuôi và chăm sóc, anh có nguyện vọng tiếp tục trông nom nuôi dưỡng cháu Phúc, đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Phúc, anh không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Do chị Tr. đang bị tạm

giam tại Trại tạm giam số 1, không có kinh tế nên anh không yêu cầu tiền cấp dưỡng sinh hoạt cho các cháu. Tự anh sẽ đóng góp tiền ăn sinh hoạt nuôi ba con chung.

Tài sản chung:

+ Động sản và bất động sản: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Các khoản nợ: Vợ chồng anh không nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* ***Bị đơn*** - tại bản tự khai chị Tr. trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh Th. trình bày là đúng.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, tính tình cách sống không phù hợp, không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến năm 2013, anh Th. dọn về nhà bố mẹ đẻ của anh Th. ở Phố K.. Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2019 vợ chồng chị hàn gắn và trở về với nhau. Đến cuối năm 2019, vợ chồng chị lại phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tiếp tục ly thân cho đến khi chị bị tạm giam.

Đến nay, trước yêu cầu xin ly hôn của anh Th., chị Tr. không đồng ý ly hôn, chị muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Con chung: Chị và anh Th. có ba con chung tên là: Cháu Lưu Đức T2., sinh ngày 29/12/2006; cháu Lưu Minh Đ2., sinh ngày 12/10/2010; cháu Lưu Xuân Phúc, sinh ngày 07/02/2019.

Hiện các con đang ở nhà mẹ đẻ chị tại số 15 Phố H1., phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Trong trường hợp vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng để các con sống ở nhà mẹ đẻ ở số 15 Phố H1., phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Anh Th. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để nuôi các con, số tiền cấp dưỡng do anh Th. tùy tâm, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các con sẽ sống ở nhà bố mẹ chị trong thời gian chị bị giam giữ, khi chị ra ngoài chị có nguyện vọng nuôi con.

Tài sản chung:

+ Động sản và bất động sản: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Các khoản nợ: Vợ chồng chị không nợ ai, không ai nợ vợ chồng chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - anh Th. vẫn giữ nguyên các yêu cầu đã trình bày trên. Anh Th. có nguyện vọng xin được ly hôn; Về con chung thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con trong thời gian chị Tr. bị tạm giam, nếu sau này chị Tr. về, chị Tr. có nguyện vọng trực tiếp nuôi con thì anh cũng đồng ý. Trong thời gian chị Tr. bị tạm giam, các con ở với anh nếu muốn về ở với mẹ chị Tr. thì đây là việc riêng anh Th. và mẹ chị Tr.. Về tài sản chung và nhà ở, công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - chị Vương Huyền Tr. vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, điều hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lưu Định Th. đối với chị Vương Huyền Tr..

+ Về con chung: Giao con chung của anh chị là cháu Lưu Đức T2., cháu Lưu Minh Đ2., cháu Lưu Xuân P. cho anh Th. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Tr. cho đến khi anh Th. có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung: Động sản và bất động sản anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về án phí: Anh Th. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả phần tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Anh Lưu Đình Th. có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Vương Huyền Tr.. Do đó, đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm anh Th. nộp đơn, chị Tr. có hộ khẩu thường trú và ở tại số 15 Phố H1., phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.2 Về thủ tục tố tụng: Chị Vương Huyền Tr. hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP. Hà Nội và đề nghị Tòa xét xử vắng mặt chị Tr.. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị Tr. là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đình Th. và chị Vương Huyền Tr. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ngày 21/12/2006 - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn đến năm 2010, hai đương sự chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình và cách sống không phù hợp, không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân đến năm 2014. Từ năm 2014 đến năm 2019, vì nghĩ cho các con, gia đình hai bên mong muốn hàn gắn hai đương sự đã quay lại sống chung. Từ 2019 đến nay, hai đương sự tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Khoảng tháng 3 năm 2024, chị Tr. bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP. Hà Nội.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa hai đương sự đã xảy ra từ lâu, hai đương sự đã sống ly thân với nhau, đã có thời gian quay về đoàn tụ sau đó lại tiếp tục ly thân cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th. xin ly hôn, chị Tr. không

đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hay phương pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của anh Th. đối với chị Tr..

2.2 Về con chung: Hai đương sự có các con chung là: Cháu Lưu Đức T2.- sinh ngày 29/12/2006; cháu Lưu Minh Đ2.- sinh ngày 12/10/2010; cháu Lưu Xuân P.- sinh ngày 07/02/2019.

Khi ly hôn, anh Th. có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị Tr. cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định của pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Xét thấy cháu P. đang sinh sống ổn định cùng anh Th., cháu T2. và cháu Đ2. có ý kiến mong muốn ở với mẹ, bà ngoại tại số 15 Phố H1., phường Phường H2., quận Hoàn Kiếm, Hà Nội khi bố mẹ ly hôn; Tuy nhiên chị Tr. hiện đang bị tạm giam trong vụ án hình sự tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. Về trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con của các đương sự trong trường hợp khi giải quyết ly hôn là của anh Th. và chị Tr.. Do chị Tr. đang bị tạm giam, việc giao con khi cho chị Tr. trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm xét xử không đủ điều kiện, khi chị Tr. có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng thì chị Tr. có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy phải giao cháu T2., cháu Đ2. và cháu P. cho anh Th. trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Th. không yêu cầu chị Tr. cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì hiện chị Tr. đang bị tạm giam không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của của đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án không xét. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Vương Huyền Tr. cho đến khi anh Th. có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Tr. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Động sản và bất động sản, hai đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Khoản nợ, hai đương sự đều xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

[3] Về án phí: Anh Th. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

*** Vì các lẽ trên.**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTƯ VQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lưu Đình Th., anh Lưu Đình Th. được ly hôn với chị Vương Huyền Tr..

2. Con chung: Hai đương sự có 03 con chung là: cháu Lưu Đức T2. - sinh ngày 29/12/2006; cháu Lưu Minh Đ2. - sinh ngày 12/10/2010; cháu Lưu Xuân P. - sinh ngày 07/02/2019.

Khi ly hôn, giao cho anh Th. trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lưu Đức T2., cháu Lưu Minh Đ2. và cháu Lưu Xuân P. cho đến khi cháu cháu Lưu Đức T2., cháu Lưu Minh Đ2. và cháu Lưu Xuân P. đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Vương Huyền Tr. cho đến khi anh Th. có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Vương Huyền Tr. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nhà ở:

+ Động sản và bất động sản: Hai đương sự không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

+ Khoản nợ: Hai đương sự không nợ ai, không cho ai vay nợ nên Toà án không xét.

4. Án phí: Anh Lưu Đình Th. phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chi đã nộp theo Biên lai số 0006507 ngày 14/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh Lưu Đình Th. (có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Vương Huyền Tr. (vắng mặt), có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Quận Hoàn Kiếm;
- CC Thi hành án Quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Hùng